

Bản án số: 06/2017/HNGĐ - ST
Ngày 13-12-2017
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hưởng.

2. Bà Lê Thị Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2017/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú hiện nay: Thôn C, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà; vắng mặt có lí do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn M ngày 09-4-2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện B. Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 7-2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống với nhau nhưng không hòa hợp về tính nết, song nguyên nhân chủ yếu là do anh M sa ngã vào tệ nạn xã hội và bị nghiện ma túy, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không từ bỏ được ma túy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; đến ngày 11-10-2016 anh M bị Công an huyện B, tỉnh Hà Nam bắt quả tang hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và ngày 23-11-2016 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử, kết án 02 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Từ tháng 7-2016 chị đã bỏ về ở tại nhà bố mẹ đẻ và anh chị li thân nhau từ đó đến nay không còn quan hệ, gặp gỡ gì nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn M.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 26-10-2017 tại Trại giam Nam Hà, bị đơn là anh Lê Văn M trình bày: Về thời gian, điều kiện anh kết hôn với chị Trần Thị Thu H đúng như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng giữa năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh nghe theo sự rủ rê của bạn bè nên có tham gia sử dụng ma túy, từ đó chị H tỏ ra xa lánh anh; từ khoảng tháng 7-2016 chị H đã bỏ về ở tại nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn C, xã V, huyện B. Đến tháng 10-2016 anh bị bắt vì hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và sau đó bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam kết án 02 năm 06 tháng tù. Từ tháng 7-2016 anh và chị H đã li thân nhau, không còn quan tâm gặp gỡ nhau nữa. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị Trần Thị Thu H không còn, chị H xin ly hôn anh thì anh hoàn toàn nhất trí ly hôn để chị H sớm được ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị H và anh M thống nhất xác định vợ chồng anh chị có một con chung tên là Lê Thị C, sinh ngày 12-10-2014, hiện nay đang do chị H nuôi dưỡng. Anh chị đều thống nhất quan điểm khi ly hôn sẽ giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, do anh M bị nghiện ma túy và hiện nay đang phải chấp hành án tại trại giam nên anh M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị H, anh M thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử được đảm bảo, các bước tiến hành của Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định; Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là chị H và anh M đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Lê Văn M. Về con chung: Giao cháu Lê Thị C, sinh ngày 12-10-2014 cho chị H nuôi dưỡng. Anh M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Lê Văn M đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam, anh đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, có xác nhận của Trại giam Nam Hà. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu H và anh Lê Văn M là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 09-4-2014 tại UBND xã V, huyện B. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, đã sa ngã vào tệ nạn xã hội và bị nghiện ma túy; chị H đã khuyên bảo

nhiều lần nhưng anh M không từ bỏ được ma túy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay cả chị H và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng nhất trí ly hôn. Theo xác minh tại địa phương, chị H và anh M mâu thuẫn là do nguyên nhân anh M không chịu lao động làm ăn kinh tế, lại mắc nghiện ma túy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, chính quyền, đoàn thể địa phương và gia đình nội ngoại của anh chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị H được ly hôn anh M là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Chị H và anh M có một con chung tên là Lê Thị C, sinh ngày 12-10-2014, hiện nay đang do chị H nuôi dưỡng. Anh chị thỏa thuận khi ly hôn sẽ giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, anh M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Xét sự thỏa thuận này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn:* Chị H, anh M không đề nghị Tòa án giải quyết đối với những vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Lê Văn M.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Thị C, sinh ngày 12-10-2014. Anh Lê Văn M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0001061 ngày 24-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. (Chị H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS H. Bình Lục;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

